

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

a. Trồng trọt:

+ **Gieo trồng vụ Mùa**, tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2019 đã xuống giống được 60.958 ha, so với cùng kỳ năm trước giảm 10,70% (-7.304,1 ha). Diện tích xuống giống vụ Mùa năm nay chậm hơn cùng kỳ tập trung nhiều ở cây lúa, cây bắp, cây đậu phộng và cây rau, đậu các loại do tình hình thời tiết cuối tháng 9 và đầu tháng 10 ảnh hưởng của Bão và Áp thấp nhiệt đới đã liên tục xảy ra mưa lớn nên ảnh hưởng đến việc xuống giống của hầu hết các cây trồng trong vụ này.

Một số cây trồng chính:

- Cây lúa: xuống giống được 46.489,2 ha, so với cùng kỳ giảm 10,36% (-5.371,5 ha). Diện tích lúa xuống giống giảm so với cùng kỳ tập trung ở các huyện: Tân Biên (-1.362,5 ha), Châu Thành (-989,9 ha), Gò Dầu (-944,2 ha), Trảng Bàng (-1.612,5 ha)... do tình hình thời tiết bất lợi. Trong tháng xảy ra thiên tai trên cây lúa gây thiệt hại 839,8 ha, cụ thể: huyện Châu Thành 440,5 ha, huyện Tân Châu 70 ha, huyện Trảng Bàng 309,5 ha...; lũy kế đến tháng 10 đã có 870,4 ha lúa Mùa bị thiệt hại do mưa giông tập trung nhiều nhất ở huyện Châu Thành.

Cây bắp đã xuống giống được 1.003 ha, giảm 19,37% (-240,8 ha); Cây đậu phộng được 522,4 ha, giảm 22,4% (-150,8 ha); Cây rau, đậu, hoa, cây cảnh xuống giống được 7.049,0 ha, cũng giảm 12,36% (-994,1 ha) so cùng kỳ.

** Đối với cây trồng trong vụ thu hoạch năm sau:*

Cây mì đã gieo trồng được 4.300 ha, so với cùng kỳ giảm 7,07% (-327,3 ha), do tình hình thời tiết không thuận lợi, một số diện tích đất bị ngập nước không thể xuống giống được nên diện tích gieo trồng giảm, giá mì trong tháng giảm chỉ còn 2.554 đồng/kg, bên cạnh đó dù dịch bệnh khảm vẫn còn xảy ra, nhưng do sự lây lan và mức độ nhiễm bệnh không còn nhiều như trước nên người dân vẫn tiếp tục gieo trồng và xuống giống loại cây này.

Diện tích cây mía đã xuống giống trồng mới được 32,5 ha, so với cùng kỳ bằng 13,02% (-217,2 ha), do giá cả giảm mạnh nên nhiều diện tích thu hoạch xong người dân phá đi không đầu tư trồng lại. Diện tích trồng mới hiện nay là diện tích mía nước trên địa bàn huyện Gò Dầu.

+ **Thu hoạch vụ Mùa:** đến nay được 2.038,7 ha cây trồng hàng năm vụ Mùa 2019, đạt 3,60% diện tích gieo trồng cây trồng trong vụ thu hoạch trong năm, so với cùng kỳ năm trước giảm 1,02% (-21 ha). Diện tích thu hoạch vụ Mùa tiến độ thu hoạch chậm hơn cùng kỳ nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của tình hình thời tiết những ngày vừa qua mưa nhiều, bên cạnh đó diện tích gieo trồng vụ Mùa năm nay cũng giảm so với chính thức cùng kỳ năm trước.

Đối với cây trồng vụ trước (mía, mì), đến nay đã thu hoạch được 31.197 ha, tăng 30,72% so cùng kỳ, trong đó chủ yếu là cây mì đạt 31.015 ha, tăng 36,37%, chủ yếu do diện tích gieo trồng cây mì trong vụ Đông xuân 2018-2019, tăng 7,60% (+3.662,1 ha) so cùng kỳ năm trước lúc đó giá củ mì vẫn còn cao, đồng thời ảnh

hường của dịch bệnh khảm đang giảm; Riêng cây mía mới thu hoạch 176 ha, chỉ bằng 15,74% so cùng kỳ năm trước.

+ **Tình hình sâu bệnh:** Trong tháng, tình hình sâu bệnh gây hại cây trồng chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ, phát sinh tăng nhẹ so với tháng trước nhưng giảm so với cùng kỳ, ngoài bệnh khảm lá trên cây mì thì trong tháng phát hiện đối tượng dịch hại có diện tích nhiễm nhiều như: OBV, sâu cuốn lá nhỏ, đạo ôn lá trên lúa vụ Mùa; sâu xanh, bệnh sương mai trên dưa leo; ruồi đục quả, bệnh đốm vàng trên khổ qua; bệnh đốm lá, thán thư trên ớt; rệp muội, sâu xanh trên rau cải; rệp sáp trên măng cầu; xì mũ trên sầu riêng.

Tình hình dịch khảm trên cây mì, trong tháng phát sinh 1.308 ha mì nhiễm mới của vụ Mùa 2019. Lũy kế từ đầu năm đến nay diện tích mì nhiễm bệnh là 40.738,5 ha, xuất hiện tại 66 xã thuộc 9/9 huyện, thành phố, trong đó tỷ lệ nhiễm bệnh cụ thể như sau: 8.891,1 ha với tỷ lệ nhiễm <15%; 18.114,5 ha với tỷ lệ nhiễm từ 15-<30%; 7.507,2 ha với tỷ lệ nhiễm 30-70% và 6.225,7 ha với tỷ lệ nhiễm >70%. Các huyện bị nhiễm nhiều như : Dương Minh Châu 7.350 ha, Châu Thành 8.222 ha, Tân Châu 16.685 ha, Tân Biên 5.574 ha....

b. Chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh vẫn có những vật nuôi được duy trì và phát triển. Trong đó, đàn trâu giảm nhẹ do đồng cỏ để chăn thả bị thu hẹp; đàn bò sữa tiếp tục tăng trưởng mạnh. Đàn gia cầm tăng so với cùng kỳ và tăng mạnh là đàn gà do hình thức nuôi với quy mô vừa và lớn vẫn được duy trì, hình thức nuôi theo mô hình nuôi nhỏ lẻ trong dân cũng được duy trì do tận dụng thức ăn thừa để chăn nuôi nhằm cải thiện đời sống. Riêng Chăn nuôi lợn bị tác động của dịch tả lợn Châu phi, đã xảy ra trên địa bàn Tỉnh từ đầu tháng 7 đến nay, dịch bệnh diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó giá cả lợn hơi các loại thường xuyên biến động có chiều hướng tăng.

Cụ thể tình hình chăn nuôi như sau: Đàn trâu hiện có 14.015 con, giảm 1,7% so cùng kỳ; đàn bò duy trì ở mức 93.860 con giảm 0,62%, trong đó đàn bò sữa có 13.353 con, tăng 14,66%(+1.707 con) so cùng kỳ, nhờ có các dự án nuôi tập trung đầu tư phát triển tập trung ở 2 huyện Bến Cầu và Trảng Bàng, trong những tháng đầu năm 2019 Trang trại Vinamilk có tăng quy mô đàn thêm 700 con đạt 7.800 con, trong đó có 3.800 con cho sữa; đàn lợn 166.070 con (*không tính lợn con đang theo mẹ*) giảm 6,28% (-11.124con), do từ đầu tháng 7 đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra dịch tả lợn Châu Phi nhưng chỉ xảy ra ở một số hộ nhỏ lẻ, còn nuôi lợn ở những hộ quy mô vừa và lớn thì chưa bị ảnh hưởng nhiều, hiện nay tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp dự báo sẽ ảnh hưởng đến xu hướng phát triển của đàn lợn trong thời gian tới.

Chăn nuôi gia cầm vẫn phát triển do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của chúng cũng như giá cả thời gian gần đây tương đối ổn định. Tổng đàn gia cầm hiện có 7.214,8 ngàn con (+19,27%) so cùng kỳ; trong đó đàn gà 6.534,45 ngàn con, (+24,81%), đàn gà tăng chủ yếu do thời gian qua tình hình dịch bệnh không xảy ra, đàn gà phát triển tập trung tại các doanh nghiệp và do sự phát triển của đàn gà công nghiệp của những hộ nuôi quy mô vừa và lớn.

Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2018	Ước thực hiện kỳ báo cáo	So sánh cùng kỳ (%)
I. Gia súc				
1. Trâu	con	14.258	14.015	98,30
2. Bò	con	94.264	93.680	99,38
Trong đó: Bò sữa	con	11.646	13.353	114,66
3. Lợn	con	177.198	166.070	93,72
II. Gia cầm				
Trong đó: Gà	1000con	5.973,64	7.124,80	119,27
	1000con	5.235,31	6.534,45	124,81

Trong tháng, tình hình dịch tả lợn Châu Phi đến ngày 13 tháng 10 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã xuất hiện ở 9 huyện, 71 xã và 1.729 hộ: Châu Thành (14 xã với 443 hộ), Tân Biên (8 xã với 93 hộ), Gò Dầu (9 xã với 406 hộ), Tân Châu (5 xã với 24 hộ), Trảng Bàng (11 xã với 423 hộ), Bến Cầu (9 xã với 242 hộ), Thành phố TN (8 xã với 55 hộ), Hoà Thành (6 xã với 42 hộ), Dương Minh Châu (1 xã với 1 hộ), với tổng số lợn (heo) chết và tiêu hủy là 29.576 con với trọng lượng là 1.729.951,4 kg. Trong tháng các trạm chăn nuôi và thú y cùng các cơ sở thú y tổ chức tiêm phòng với số lượng 265.000 liều vắc xin các loại; bên cạnh đó công tác tiêu độc khử trùng đã thực hiện với diện tích 3.504.510 m² tại các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, 70.020 m² tại các cơ sở giết mổ, 760 m² tại các lò ấp.

1.2 Lâm nghiệp:

Phát triển rừng và sử dụng rừng: Diện tích rừng trồng mới tập trung ước thực hiện từ đầu năm đến nay được 112 ha, tăng 55,99% (+40,2 ha) so với cùng kỳ. Các đơn vị chủ rừng khẩn trương tiếp tục thực hiện chăm sóc, phòng chống cháy và bảo vệ rừng trồng, đảm bảo rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Tiếp tục thực hiện rà soát các diện tích đất thuộc quy hoạch trồng rừng năm 2019, đến nay đã rà soát chuẩn bị được 210 ha/235 ha, đạt 89,36% so với kế hoạch.

Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: Diện tích rừng được đầu tư bảo vệ toàn tỉnh là 58.008 ha rừng, trong đó: bảo vệ rừng tự nhiên: 45.440 ha, bảo vệ rừng trồng: 12.244 ha, bảo vệ trồng cỏ: 324 ha, toàn bộ diện tích rừng này đều được giao khoán các tổ chức, nhóm hộ, hộ gia đình bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Trong tháng, công tác bảo vệ rừng được các đơn vị chủ rừng quan tâm, thực hiện khá tốt. Diện tích đầu tư khoanh nuôi tái sinh tự nhiên toàn tỉnh là 1.198 ha. Các đơn vị đang tiếp tục thực hiện khoanh nuôi đối với những diện tích trên.

Quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản, phòng cháy chữa cháy rừng: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 8 vụ vi phạm quy định về Luật lâm nghiệp, giảm 3 vụ so với tháng trước, trong đó có: 1 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích 0,0048 ha; 4 vụ khai thác rừng trái pháp luật tạm giữ 6,548 m³ gỗ các loại; 2 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật tạm giữ 0,684 m³ gỗ Keo và gỗ Bình Linh; 1 vụ mang dụng cụ vào rừng để bẫy bắt động vật.

Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện trong tháng 4.844 m³, so với cùng kỳ giảm 5,48% (-281 m³), lũy kế từ đầu năm đến nay sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện 48.438 m³, giảm 5,48% (-2.810 m³) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng củi khai thác ước thực hiện trong tháng được 24.164 Ste, giảm 3,00% (-747 Ste), lũy

kể từ đầu năm sản lượng củi khai thác ước thực hiện 241.639 Ste, bằng 97,00% (-7.472 Ste) so với cùng kỳ.

1.3 Thủy sản:

Tình hình nuôi trồng thủy sản gặp khó khăn về giá bán sản phẩm và tiêu thụ; hình thức nuôi trồng trong ao, hầm cũng như nuôi lồng, bè giảm nhẹ về diện tích và thể tích nuôi nên sản lượng nuôi trồng cũng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Về sản xuất giống: Trong tháng sản lượng giống thủy sản ước sản xuất được 2,36 triệu con, lũy kế từ đầu năm đến nay ước thực hiện được 20,8 triệu con, giảm 1,72% (-0,36 triệu con) so với cùng kỳ.

Về sản lượng nuôi trồng thủy sản: Ước sản lượng thủy sản nuôi trồng thu hoạch trong tháng được 1.032,53 tấn, lũy kế sản lượng thu hoạch đến nay được 8.670,77 tấn, giảm nhẹ so với cùng kỳ (-1,88%), do diện tích nuôi trồng trong ao, hầm giảm so với cùng kỳ mặt khác do ảnh hưởng của giá cả nên người sản xuất không mạnh dạn đầu tư để tăng năng suất thu hoạch.

Tình hình khai thác thủy sản: Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng ước thực hiện được 200,33 tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay ước thực hiện được 2.003,3 tấn, giảm 0,99% so với cùng kỳ (-20,03 tấn) chủ yếu do ảnh hưởng của việc khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng thời gian trước đây gây ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của các loại thủy sản.

2. Sản xuất công nghiệp:

Tháng 10/2019: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh tăng mạnh (+10,92%) so tháng trước. Trong các ngành công nghiệp cấp 1, so tháng trước ngành khai khoáng tăng 16,09%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,21%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,56%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm nhẹ (-0,53%) so với tháng trước. Một số ngành kinh tế cấp 2 tăng khá trong tháng như SX chế biến thực phẩm (+30,24%) trong đó tăng mạnh nhất là sản xuất đường (+92,95%)¹, SX tinh bột sắn cũng tăng (+18,23%); SX da và các sản phẩm từ da (+15,59%); SX giấy và sản phẩm từ giấy (+13,44%)... Bên cạnh đó cũng có một số ngành tăng thấp so với tháng trước như: sản xuất và phân phối điện (+4,56%), SX khoáng phi kim loại xi măng (+6,42%); Dệt (+6,6%)...

Lũy kế 10 tháng năm 2019, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng² (+15,50%) so cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng (+15,44%), ngành SX và phân phối điện tăng (+20,27%); cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng (+16,72%), riêng ngành khai khoáng giảm (+4,68%) so cùng kỳ. Trong các ngành công nghiệp cấp 2, tăng nhiều ở các ngành: Dệt (+33,10%); sản xuất trang phục (+6,30%); SX sản phẩm từ cao su và plastic (+13,22%) chủ yếu do sản xuất săm lốp cao su (+30,91%); SX da và các sản phẩm có liên quan (+12,29%); Khai thác và cung cấp nước (+10,39% ... cũng có một số ngành tăng

¹ Các nhà máy chế biến đường lớn trong tỉnh đã đi vào niên vụ sản xuất, nguồn nguyên liệu chủ yếu là nhập đường thô ở nơi khác về để chế biến;

² Cùng kỳ năm trước tăng 15,31%.

chậm hoặc giảm so cùng kỳ như: SX chế biến thực phẩm (+4,70%), khai khoáng khác (-4,68%), SX sản phẩm khoáng phi kim loại khác (+1,07% (do nhà máy xi măng fico không nâng công suất).

Sản phẩm chủ yếu của tỉnh: đa số các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có sản lượng sản xuất 10 tháng tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: Đường các loại tăng (+30,01%); giấy các loại tăng (+9,44%); quần áo các loại (+7,90), vỏ ruột xe các loại (+15,56%); điện thương phẩm (+20,79%); nước máy sản xuất (+9,67%); Clanke Poolan (+11,31%), so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó cũng có sản phẩm tăng thấp hoặc giảm so cùng kỳ như bột mì giảm(-2,07%); sản lượng xi măng sản xuất (+1,07%)...

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 10/2019 so với tháng 9/2019	10 tháng 2019 so với cùng kỳ
Tổng số	110,92	115,50
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	116,09	95,32
2. Công nghiệp chế biến	111,21	115,44
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	104,70	120,27
4. Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải...	99,47	116,72
Một số ngành công nghiệp cấp 2 chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	130,24	104,70
2. Dệt	106,60	133,10
3. Sản xuất trang phục	107,40	106,30
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	115,59	112,29
5. Chế biến gỗ và các mặt hàng từ gỗ...	122,80	106,42
6. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	113,44	108,25
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,83	113,22
8. SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	106,42	101,07
9. Sản xuất và phân phối điện	104,56	120,27
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,84	110,39

3. Vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2019 ước thực hiện được 276,27 tỷ đồng, tăng 3,20% so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 238,4 tỷ đồng (+0,09%); ngân sách cấp huyện đạt 37,8 tỷ đồng (+10,14%); Ngân sách cấp xã trong tháng không phát sinh. Một số công trình chủ yếu có giá trị thực hiện tăng cao, như: Nâng cấp mở rộng đoạn từ tuyến trách QL22 đến ngã tư Tân Bình ước đạt 35 tỷ (+37,25%), Cầu An Hoà đạt 15,01 tỷ (+107,63%), đường ra Biên giới xã Ninh Điền đạt 9,02 tỷ (+476,87%)... bên cạnh đó cũng có công trình chậm tiến độ thi công do công tác

giải phóng mặt bằng như: nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt, đường Đất Sét – Bến Củi ...

Cộng dồn 10 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện 2.286,76 tỷ đồng, đạt 85,34% kế hoạch năm, tăng 1,49% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 1.921,51 tỷ đồng bằng 87,43% KH, tăng thấp (+0,09%) chủ yếu do thời tiết, mưa kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình; vốn ngân sách cấp huyện đạt 365,10 tỷ đồng, bằng 75,81% KH, tăng 10,14% so với cùng kỳ; Riêng các công trình do cấp xã quản lý có nguồn vốn đạt 0,15 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

4. Giao thông vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 10/2019 ước đạt 260,92 tỷ đồng, tăng 0,78% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 84,03 tỷ đồng, giảm 0,77%; vận tải hàng hóa đạt 171,46 tỷ đồng, tăng 1,52% so với tháng trước. Cộng dồn 10 tháng đầu năm doanh thu đạt 2.550 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 8,03%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 841,1 tỷ đồng tăng 8,45%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.658 tỷ đồng tăng 7,64% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 50,8 tỷ đồng tăng 13,75% so với 10 tháng năm 2018.

Vận tải hành khách tháng 10/2019 ước đạt 1.982 nghìn lượt khách, giảm 1,0% và luân chuyển được 135.231 nghìn lượt khách.km, cũng tăng 0,99% so tháng trước. Lũy kế 10 tháng, vận chuyển hành khách trên địa bàn đạt 19.710 nghìn lượt khách, tăng 7,03%, luân chuyển hành khách đạt 1.275.740 nghìn lượt khách.km, tăng 7,95% so cùng kỳ. Nếu xét theo ngành vận tải thì sản lượng hành khách vận chuyển đường bộ là chủ yếu, và ngày càng tăng (+7,82%), chiếm tỷ trọng đến 98,19% khối lượng vận chuyển của ngành vận tải hành khách; Khối lượng đường thủy cũng giảm 23,3% so cùng kỳ năm 2018.

Vận tải hàng hóa trong tháng duy trì phát triển ổn định; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tháng 10 đạt 1.426 nghìn tấn, tăng 1,35% và luân chuyển được 97.289 nghìn tấn.km, tăng 1,53% so tháng trước; sản lượng vận tải hàng hóa trong tháng tăng chủ yếu do vận chuyển nông sản thu hoạch trong tháng này tăng. Mười tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước tính đạt 13.396 nghìn tấn, tăng 7,30% và luân chuyển được 957.508 nghìn tấn.km, tăng 7,04%. Vận tải hàng hóa của tỉnh phát triển tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển trong 10 tháng đầu năm ước đạt 13.224 nghìn tấn, tăng 7,50%, luân chuyển 951.466 nghìn tấn.km, cũng tăng 7,14% so cùng kỳ năm trước.

5. Thương mại dịch vụ

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 10/2019 ước đạt 5.323 tỷ đồng, tăng 2,61% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 203,286 tỷ đồng, tăng 4,72%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 5.120 tỷ đồng, cũng tăng 2,53% so tháng trước.

Luỹ kế 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 50.806 tỷ, tăng 9,49% so cùng kỳ năm trước. Trong đó tăng nhiều ở khu vực kinh tế nhà nước, đạt 1.973 tỷ đồng (+12,90%), tuy nhiên khu vực này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (3,88%), khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 48.832 tỷ tăng 9,36%; Cụ thể, doanh thu một số nhóm hàng chủ yếu, như: nhóm lương thực, thực phẩm đạt 18.343 tỷ đồng, tăng 9,26%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 7.162,3 tỷ đồng, tăng 11,86%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 7.513 tỷ đồng, cũng tăng 14,45% so với cùng kỳ....

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh tháng 10/2019 ước đạt 1.512,8 tỷ đồng, tăng 10,88% so tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 353,92 tỷ đồng tăng 22,80% (chủ yếu do phát hành vé xổ số tháng này tăng số kỳ phát hành) so với tháng trước, khu vực ngoài nhà nước đạt 1.150,97 tỷ đồng tăng 7,72%, và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,9 tỷ đồng cũng tăng 3,17% so tháng trước.

Luỹ kế 10 tháng doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 13.862 tỷ đồng tăng 7,24 % so cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 8.059 tỷ đồng tăng 7,83%, dịch vụ lưu trú đạt 168,6 tỷ đồng tăng 9,10% và dịch vụ khác đạt 5.635 tỷ đồng tăng 6,35% so cùng kỳ.

6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 năm 2019 tăng 0,61% so với tháng trước; tăng 1,95% so với cùng kỳ năm trước; và tăng 1,65% so với tháng 12 năm trước; so bình quân cùng kỳ năm 2018 CPI tăng 2,7%.

Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, có 9 nhóm tăng với mức tăng như sau: hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,72%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,52%; may mặc mũ nón giày dép tăng 0,29%; nhà ở điện nước chất đốt và VLXD tăng 0,84%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,38%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; giao thông tăng 1,1%; nhóm văn hoá giải trí và du lịch tăng 0,56%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,23%. Nhóm có chỉ số giá ổn định là đồ uống thuốc lá và bưu chính viễn thông và giáo dục.

Cụ thể như sau:

Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,72%): trong đó Chỉ số giá nhóm hàng lương thực tăng 0,79% so tháng trước chủ yếu là gạo tăng 0,94% như gạo tẻ thường tăng 0,97%, gạo tẻ ngon tăng 0,82%, gạo nếp tăng 0,24% do năm nay nước lớn, vụ thu đông bị thất mùa, năng suất lúa giảm do ngập lụt và sâu bệnh nhiều khiến giá lúa gạo tăng lên.

Nhóm thực phẩm tăng 0,96% so với tháng trước, nhóm này tăng chủ yếu do Nhóm thịt gia súc tươi sống tăng 5,13% cụ thể là thịt heo tăng 6,4%, thịt bò tăng 0,64%, nội tạng động vật tăng 2,77%, thịt quay, giò, chả tăng 0,81% do dịch tả heo Châu Phi đang dần lắng dịu, người dân chưa dám tái đàn vì sợ dịch bệnh bùng phát

trở lại làm cho nguồn cung thịt heo ngày càng khan hiếm, chưa kể thời điểm này đang là mùa cao điểm tiêu thụ thịt heo nên giá càng tăng mạnh.

Một số loại rau củ quả tăng so tháng trước như bắp cải (+ 1,09%), su hào (+1,41%), cà chua (+ 1,1%), đu đủ tươi (+3,64%) do nguồn cung ở các tỉnh khác đổ về như Đà Lạt bị thiếu hụt dẫn đến giá thành tăng lên. Tuy nhiên một số loại rau củ quả khác như rau tươi khác giảm 2,54%, rau khô các loại giảm 0,22%, rau gia vị tươi khô các loại giảm 0,81%, phụ liệu nấu ăn giảm 1,5% do thời tiết tháng 10 tại Tây Ninh nắng ấm, thuận lợi, nguồn cung dồi dào làm giá giảm xuống.

Mặt khác Nhóm thịt gia cầm tươi sống có xu hướng giảm (-1,05%) so tháng trước như thịt gà giảm 0,99%, gia cầm khác giảm 1,57% nguyên nhân là do thời gian qua tăng đàn ô ạt cùng lúc đó nguồn hàng nhập khẩu tràn về quá nhiều dẫn đến bị thừa nguồn cung làm giá thịt gà giảm xuống. Nhóm trứng các loại giảm 1,18% so tháng trước do người dân có xu hướng chuyển từ nuôi heo sang nuôi gia cầm sau đợt dịch tả heo Châu Phi gây nên nguồn cung tăng cục bộ khiến giá giảm. Bên cạnh đó Nhóm thủy sản tươi sống cũng giảm 1,23% chủ yếu là cá tươi giảm 1,22%, tôm tươi giảm 0,51%, thủy hải sản tươi sống khác giảm 2,81% do thời tiết thuận lợi cho tàu thuyền ra khơi, nguồn cung dồi dào nên góp phần đẩy giá thành giảm xuống.

Đồ uống và thuốc lá (+0,52%): Nhóm này tăng ở thuốc hút (+ 0,87%) , do các chi phí đầu vào, xăng dầu tăng cao.

May mặc, mũ nón, giày dép (+ 0,29%): Nhóm này tăng chủ yếu ở quần áo may sẵn (+0,45%) cụ thể là áo khoác người lớn tăng 0,59%, quần áo sơ mi nam lớn tăng 0,68%, quần áo trẻ em tăng 0,32%, quần áo may sẵn khác tăng 1,02% do chi phí đầu vào gia tăng dẫn đến việc tăng giá nhóm mặt hàng này.

Nhà ở điện nước chất đốt và VLXD (+0,84%): do giá gas tăng mạnh 8,29% tức tăng 24.000đ bình 12kg, dầu hoả cũng tăng 1,11% so tháng trước. Vật liệu bảo dưỡng nhà ở cũng tăng 0,25% như xi măng tăng 1,22%, tấm lợp tôn mát 3 lớp tăng 16,88%, nguyên nhân do do các công trình xây dựng đang được gấp rút hoàn thành trước năm mới.

Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,38%): tăng ở mặt hàng tủ lạnh tăng 0,84%; bình nước nóng nhà tắm tăng 2,05%; máy bơm nước sinh hoạt tăng 4,09%; quạt điện tăng 0,47%; đèn điện thấp sáng tăng 3,03%,

Thuốc và dịch vụ y tế (+ 0,02%): chủ yếu ở nhóm dụng cụ y tế (tăng 1,35%).

Giao thông (+ 1,1%): tại kỳ điều hành giá Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định tăng giá xăng dầu trong kỳ điều hành vào ngày 1/10/2019, cụ thể: nhóm xăng, dầu diezen tăng 2,24% so với tháng trước, mặc dù giá xăng có giảm vào ngày 16/10/2019 nhưng mức giảm không đáng kể, vẫn thấp hơn so với mức tăng vào đầu tháng.

Văn hoá giải trí và du lịch (+0,56%): chủ yếu ở nhóm báo các loại (+10,43%), nhà khách tăng 0,57% do chi phí đầu vào, nhân viên tăng lên.

Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,23%) Chỉ số giá nhóm này tăng chủ yếu ở nhóm đồ dùng cá nhân (+1,04%) cụ thể như máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân tăng 2,88%, dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 2,79%, hàng chăm sóc cơ thể tăng 1,26%

Giá vàng và đô la Mỹ: So với tháng trước chỉ số giá vàng giảm (-0,81%); tăng 4,9% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá vàng 99,99 bình quân hiện ở mức 4.018.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,04% so với tháng trước và tăng 1,35% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá đô la Mỹ bình quân hiện ở mức 23.292,93 đồng/USD.

7. Thu, chi ngân sách:

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 10/2019 đạt 706 tỷ đồng, cộng dồn 10 tháng được 7.983 tỷ đồng, đạt 99,80% dự toán năm, tăng 25,41% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 6.704 tỷ đồng, đạt 91,21% dự toán, tăng 16,78% so cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, tình hình thu ngân sách trong 10 tháng năm nay đạt khá cao so với dự toán, trong đó khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nguồn thu đạt 91,21% so với kế hoạch năm. Trong đó có một số khoản đạt khá như: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.418 tỷ đồng bằng 88,63% dự toán và tăng 16,18%; Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 556,26 tỷ, vượt 18,35% dự toán năm, và tăng 46,84%; thuế thu nhập cá nhân đạt 657 tỷ, tăng 19,35%; thu từ hoạt động xổ số đạt 1.430 tỷ bằng 94,40% dự toán và tăng 3,26% so cùng kỳ. Riêng khoản thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 1.279 tỷ đồng đã vượt dự toán năm (+96,88%) và tăng 104,60% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2019 (tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2019
Tổng thu	8.000	7.983	99,80	125,41
I. Thu nội địa	7.350	6.704	91,21	116,78
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	625	496	79,47	112,42
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	470	556	118,35	146,84
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.600	1.418	88,63	116,18
4. Hoạt động xổ số	1.515	1.430	94,40	103,26
II. Thu từ hoạt động XNK	650	1.279	196,88	204,60

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách ước tháng 10/2019 đạt 819 tỷ đồng, nâng mức chi 10 tháng năm đạt 6.803 tỷ đồng, đạt 77,31% dự toán, tăng 8,51% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 3.771 tỷ đồng, bằng 69,18% dự toán năm, tăng 3,58% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển 2.085 tỷ đồng, bằng 83,68% dự toán, tăng 7,99% so cùng kỳ; Chi cho các thương trình mục tiêu nhiệm vụ đạt 924,98 tỷ đồng, tăng 45,45% dự toán năm và tăng 37,59% so cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2019 (tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi	8.800	6.803	77,31	108,51
I. Chi cân đối NSDP	8.164	5.878	72,00	105,02
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.491	2.085	83,68	107,99
2. Chi thường xuyên	5.451	3.771	69,18	103,58
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	837	485	57,95	101,16
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.179	1.544	70,85	107,11
+ Sự nghiệp y tế	473	276	58,23	93,95
+ Quản lý hành chính	931	751	80,70	101,67
II. Chi chương trình MTQG	635	925	145,45	137,59

8. Hoạt động ngân hàng:

Hoạt động của hệ thống ngân hàng trong tháng tương đối ổn định và phát triển. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 10 ước đạt 44.669 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 1,50%, và tăng 9,72% so thời điểm cuối năm 2018. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu đạt 30.355 tỷ đồng (*Chiếm 67,95%*) tăng 10,53%; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 14.313 tỷ đồng tăng 8,04% so cuối năm trước.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 10 ước đạt 56.192 tỷ đồng, tăng 1,0% so tháng trước và tăng 13,61% so cuối năm 2018. Dư nợ cho vay ưu đãi doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt 5.343 tỷ đồng, tăng 4,16% so với tháng trước và tăng 0,08% so với cuối năm 2018. Nợ xấu 184 tỷ đồng tiếp tục giảm 11,69% so với tháng trước chiếm 0,33% so với tổng dư nợ.

9. Tình hình văn xã:

a) Lao động, giải quyết việc làm:

Trong tháng 10/2018, thông qua các phiên giao dịch việc làm của tỉnh đã tư vấn việc làm và học nghề cho 2.674 lao động (lũy kế 10 tháng 21.769 lao động); giới thiệu cung ứng lao động trong nước cho 192 lao động (lũy kế đến nay 2.010 lao động). Tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 10 tháng được 455 lao động.

Trong tháng cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho 212 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Lũy kế từ đầu năm, cấp mới và cấp lại cho 2.103 lao động, đến nay tỉnh đã chấp thuận cho 327 doanh nghiệp tuyển dụng 4.041 lao động là người nước ngoài.

Công tác dạy nghề: Trong tháng, các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề tiếp tục tuyển sinh mới được 742 người³, số sinh viên học viên tốt nghiệp trong tháng 145 người trong đó có 195 người có việc làm đạt 72,36% . Đào tạo nghề nông thôn, lũy kế từ đầu năm đến nay đã mở 84 lớp/2.565 học viên đạt 61% kế hoạch năm.

Về đình công, lãn công: trong tháng xảy ra 02 vụ với Công ty, lũy kế 10 tháng đã xảy ra 08 vụ tại 08 công ty.

b) Hoạt động y tế:

Trong tháng số ca mắc mới bệnh tay chân miệng là 530ca tăng 197,75% so với tháng trước (178ca) và tăng 10,42% so với cùng kỳ năm 2018 (480ca). Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Trảng Bàng 92 ca, Gò Dầu 96 ca, Châu Thành 60 ca, Tân Châu 97 ca, Hòa Thành 29 ca, Tân Biên 42 ca, Dương Minh Châu 40 ca, Bến Cầu 30 ca, Tp. Tây Ninh 44 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay: 1121 ca giảm 8,34% so sánh cùng kỳ năm 2018 (1223 ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Số ca mắc mới bệnh sốt Dengue/sốt xuất huyết trong tháng là 795ca tăng 12,77% so với tháng trước và tăng 188,04% so với cùng kỳ năm 2018 (276ca). Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Tân Châu 202ca, Tân Biên 161ca, Châu Thành 116ca, Trảng Bàng 84ca, Hòa Thành 52ca, Gò Dầu 58ca, Tp. Tây Ninh 55 ca, Dương Minh Châu 50 ca, Bến Cầu 17 ca. Tổng số mắc SXH cộng dồn đến nay 3.091 ca, so với cùng kỳ năm 2018 tăng 1709 ca (tăng 123,7 %). Trong tháng có 01 ca tử vong tại Tân Biên.

Bệnh HIV/AIDS: Số HIV mới phát hiện trong tháng là: 30 ca. Lũy tích HIV là 5.250 ca, trong đó nữ: 1.696 ca. Số AIDS mới phát hiện trong tháng là: 03ca, lũy tích AIDS là 3.752 ca, trong đó nữ: 1.176 ca. Tử vong AIDS mới trong tháng là: 06 ca, Lũy tích tử vong AIDS là 1.767ca. Số bệnh nhân điều trị ARV mới trong tháng là 21ca, lũy tích bệnh nhân điều trị ARV là 2.205ca, trong đó nữ: 841 ca.

Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm: trong tháng, đã tiến hành kiểm tra 660cơ sở, trong đó đạt 529cơ sở, đạt tỷ lệ 80,15%. Số cơ sở vi phạm 131 cơ sở, trong đó: cảnh cáo nhắc nhở: 119cơ sở, xử phạt: 08 cơ sở với số tiền 7.250.000 đồng, chờ xử lý: 04 cơ sở. Các nội dung vi phạm chủ yếu: Không thực hiện khám sức khỏe định kỳ; không thực hiện xác nhận kiến thức về ATTP; Điều kiện vệ sinh cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm; Không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hạn. Nội dung ghi nhãn sản phẩm không đúng, không đầy đủ thông tin bắt buộc theo quy định....

c) An toàn giao thông:

Trong tháng 10/2019 (từ ngày 16/9/2019-15/10/2019) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ⁴ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 05 người và bị thương 11 người. So với tháng cùng kỳ năm 2018 tăng 02 vụ, số người chết tăng 01 người và số người bị thương cũng tăng 02 người. Cộng dồn 10 tháng năm 2019 đã xảy ra 119 vụ tai nạn giao thông, làm chết 54 người, và 101 người bị thương, so với cùng

³ Cao đẳng 21 người, trung cấp 340 người, sơ cấp 346 người và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng 25 người.

⁴ Tháng 9.2019 xảy ra 16 vụ tai nạn giao thông, làm chết 05 người và bị thương 16 người.

kỳ năm trước đều giảm về cả 03 tiêu chí: số vụ giảm (-77), số người chết giảm (-24 người) và số người bị thương cũng giảm (-17). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe đi không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát, và đặc biệt là tình trạng sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông....

d) Hoạt động văn hoá, thể thao:

Trong tháng 10/2019, Ngành văn hoá, thể thao tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng. Cấp tỉnh: Thực hiện 80 cụm pano, 16 tấm băng rôn, 400 tấm phướn; 380 cờ ca-cà 1 loại; cấp huyện, thành phố: Thực hiện 103 m² pano, 40 băng rôn, 220 phướn, 20 câu khẩu hiệu, 430 cờ các loại, 22 cuộc xe loa cổ động.

Hoạt động Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Tổ chức 02 cuộc triển lãm với các chủ đề trong tháng, triển lãm phục vụ sự kiện “Ngày Tây Ninh tại Hà Nội” với hơn 1.000 lượt khách tham quan. Tham gia trình diễn di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2019 tại tỉnh Tuyên Quang.

Hoạt động văn nghệ tuyên truyền: Tổ chức 09 chương trình văn nghệ phục vụ cơ sở. Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động các câu lạc bộ và các lớp năng khiếu. Tham gia trình diễn di sản văn hóa phi vật thể (múa trống Chhay-Dăm, đờn ca tài tử, cải lương) tại sự kiện “Ngày Tây Ninh tại Hà Nội” hưởng ứng kỷ niệm 65 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2019) tại Hà Nội. Xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Tua Hai, kế hoạch liên hoan Đờn ca tài tử, liên hoan tuyên truyền ca khúc cách mạng.

Hoạt động thể thao: Tổ chức 03 giải thi đấu vô địch tỉnh (giải vô địch Bóng chuyền tỉnh, giải Thể dục dưỡng sinh các CLB, giải vô địch Cầu lông các nhóm tuổi tỉnh Tây Ninh năm 2019). Đăng cai tổ chức giải vô địch Điền kinh Cụm miền Đông Nam bộ năm 2019. Phối hợp các sở, ngành tỉnh tổ chức Giải đua xe đạp Cúp Truyền hình Bình Dương mở rộng năm 2019. Tổng số vận động viên các môn đang đào tạo và huấn luyện tính đến ngày 01/10/2019 là: 193 VĐV (Tuyển 54 VĐV, trẻ 112 VĐV, Năng khiếu 23 VĐV). Cử 09 đoàn VĐV tham dự các giải⁵, tổng số huy chương các môn thể thao tính đến ngày 01/10/2019 đạt 238 huy chương các loại trong đó có: 44 HCV, 75 HCB, 119 HCD.

e) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

Trong tháng 10/2019 (từ ngày 16/9/2019 đến 15/10/2019), trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy nhà dân làm thiệt hại về tài sản khoảng 92 triệu đồng (trong đó có 01 vụ cháy nhà dân ở xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, không gây thiệt hại về người. Ước thiệt hại về tài sản khoảng 7 triệu đồng. Nguyên nhân đang điều

⁵ giải Vô địch Điền kinh quốc gia, giải Vô địch Taekwondo quốc gia, giải Bơi vô địch quốc gia, giải Lặn vô địch quốc gia, giải Bóng bàn các đội mạnh toàn quốc, giải Vô địch Vovinam toàn quốc lần thứ 26, giải Vô địch Karate quốc gia lần thứ 29, giải Vô địch Điền kinh Cụm miền Đông Nam bộ, giải Bóng bàn các CLB toàn quốc

tra làm rõ; và 01 vụ cháy nhà kho chứa bông phế liệu của hộ dân ở ấp Phước Tân 1, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, không gây thiệt hại về người. Ước giá trị thiệt hại về tài sản khoảng 85 triệu đồng. Nguyên nhân do nguồn nhiệt của ống xả xe nâng hàng tiếp xúc với sợi bông dẫn cháy).

Về vi phạm môi trường đã phát hiện trong tháng 01 vụ, số vụ đã xử lý 01 vụ, số tiền xử phạt 40 triệu đồng; so với tháng trước số vụ vi phạm môi trường đã phát hiện tăng (+01 vụ), Số vụ đã xử lý tăng (+01 vụ), Số tiền xử phạt tăng (+40 triệu đồng); so với cùng kỳ năm trước số vụ vi phạm môi trường đã phát hiện tăng (+01 vụ), số vụ đã xử lý tăng (+01 vụ), số tiền xử phạt ước tăng khoảng (+40 triệu đồng). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ vi phạm môi trường là do các công ty, doanh nghiệp xả nước thải gây ô nhiễm môi trường và gây sự cố môi trường.

